

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN
THU GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THU THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY SCAVI HUẾ**

ĐỀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH

NIÊN KHÓA: 2016 - 2020

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP
DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY SCAVI HUẾ**

Sinh viên thực hiện:

Đặng Thị Phương Nhi

Lớp: K50B Kế toán

Niên khóa: 2016 - 2020

Giảng viên hướng dẫn:

ThS. Hoàng Thùy Dung

Huế, tháng 05 năm 2020

Lời Cảm Ơn

Trôi qua khoảnh khắc thời gian 4 năm học tập và rèn luyện tại Trường Đại học Kinh tế Huế cũng như quá trình thực tập tại Công ty Scavi Huế, tôi đã tích lũy được vốn kiến thức và kinh nghiệm thực tế quý giá giúp tôi hoàn thành được bài khóa luận tốt nghiệp này cũng như là hành trang để tôi bước vào đời mới cách vững chắc và tự tin.

Đã có được kết quả như ngày hôm nay, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu Nhà trường, quý thầy cô giáo trường Đại học Kinh tế Huế đã tận tình dạy dỗ, truyền đạt cho tôi những kiến thức và kinh nghiệm quý báu trong suốt thời gian ngồi trên ghế giảng đường. Đặc biệt tôi xin bày tỏ tấm lòng biết ơn sâu sắc đến Thúc sĩ Hoàng Thùy Dung - người đã luôn tận tình hướng dẫn, tạo điều kiện và cho tôi những góp ý chân thành để tôi có thể hoàn thành khóa luận mới cách tốt nhất.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các anh chị phòng Tài chính - Kế toán của Công ty Scavi Huế đã nhiệt tình hỗ trợ, cung cấp tài liệu, chia sẻ kinh nghiệm cũng như tạo mọi điều kiện để tôi có thể hoàn thành bài khóa luận này để ngành có thêm những kiến thức thực tế.

Cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, người thân và bạn bè luôn đồng hành, giúp đỡ tôi trong thời gian qua.

Xin kính chúc mọi người luôn dồi dào sức khỏe và thành công.

Huế, tháng 05 năm 2020

Sinh viên thực hiện

Đặng Thị Phương Nghi

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GTGT	: Giá trị gia tăng	TK	: Tài khoản
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp	TSCD	: Tài sản cố định
NSNN	: Ngân sách Nhà nước	BP	: Bề phình
KBNN	: Kho bạc nhà nước	CMKT	: Chuẩn mực kế toán
SXKD	: Sản xuất kinh doanh	CĐKT	: Chế độ kế toán
HHDV	: Hàng hóa dịch vụ	BCTC	: Báo cáo tài chính
DN	: Doanh nghiệp	HTK	: Hàng tồn kho
TT	: Thông tin	LĐ	: Lao động
BTC	: Bộ Tài chính	TSNH	: Tài sản ngắn hạn
NĐ	: Nghị định	NNH	: Nguyên nhân
CP	: Chính phủ	GVHB	: Giá vốn hàng bán
QH	: Quốc hội	HTKK	: Hệ thống kê khai
HH	: Hàng hóa	LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
CSKD	: Cơ sở kinh doanh	KHCN	: Khoa học công nghệ

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình lao động của công ty giai đoạn 2017 – 2019.....	42
Bảng 2.2: Tình hình tài sản, nguồn vốn của công ty giai đoạn 2017 - 2019.....	46
Bảng 2.3: Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2017 - 2019.....	48
Bảng 2.4: Trích bảng kê hóa đơn mua vào tháng 12 năm 2019.....	63
Bảng 2.5: Trích bảng kê hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế 0% tháng 12 năm 2019..	68
Bảng 2.6: Trích bảng kê hàng hóa bán ra tháng 12 năm 2019 chịu thuế 0%.....	69
Bảng 2.7: Trích bảng kê hàng hóa bán ra tháng 12 năm 2019 chịu thuế 10%.....	75

DANH MỤC BÍ U

Bí u 2.1: Giao di n ph n m m khi k toán h ch toán nh p kho.....	52
Bí u 2.2: Hóa đ n GTGT s 000688	54
Bí u 2.3: Phi u nh p kho c a hóa đ n s 000688	55
Bí u 2.4: Hóa đ n GTGT s 0001228	57
Bí u 2.5: B ng kê đính kèm Hóa đ n s 0001228.....	58
Bí u 2.6: Hóa đ n GTGT s 1341707	60
Bí u 2.7: Hóa đ n GTGT s 0039805	62
Bí u 2.8: Hóa đ n GTGT s 0001181	66
Bí u 2.9: T khai hàng hóa xu t kh u c a hóa đ n s 0001181.....	67
Bí u 2.10: Hóa đ n GTGT s 0001047	70
Bí u 2.11: B ng kê chi ti t bán hàng c a hóa đ n s 0001047.....	72
Bí u 2.12: Phi u xu t kho c a hóa đ n s 0001047	73
Bí u 2.13: Giao di n ph n m m khi k toán h ch toán xu t kho.....	74
Bí u 2.14: T khai thu GTGT tháng 12 năm 2019.....	78
Bí u 2.15: Gi y n p ti n vào ngân sách Nhà n c quý I năm 2019	82
Bí u 2.16: T khai quy t toán thu TNDN năm 2019	87

DANH MỤC SỔ ĐỒ

Sổ đồ 1.1 – Hồ sơ toán tài khoản 133 – thu GTGT đưa vào để khấu trừ	22
Sổ đồ 1.2 – Hồ sơ toán tài khoản 3331 – thu GTGT phải nộp	24
Sổ đồ 1.3 - Kế toán thu GTGT phải nộp theo phương pháp trừ giá trị trên GTGT	26
Sổ đồ 1.4 - Kế toán thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26
Sổ đồ 2.1 - Sổ đồ tính chi phí máy quản lý của Công ty Scavi Huế	32
Sổ đồ 2.2 - Sổ đồ tính chi phí máy kế toán tại Công ty Scavi Huế	36
Sổ đồ 2.3 - Trình tự hồ sơ toán kế toán trên phần mềm máy tính	40

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	ii
DANH MỤC BẢNG.....	iii
DANH MỤC BIỂU.....	iv
DANH MỤC SƠ ĐỒ.....	v
MỤC LỤC.....	vi
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục tiêu của đề tài nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng nghiên cứu.....	2
4. Phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Kết cấu của đề tài.....	4
PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	5
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU VÀ KẾ TOÁN THU GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THU THU NHẬP DOANH NGHIỆP TÀI DOANH NGHIỆP.....	5
1.1. Tổng quan về thu và kế toán thu.....	5
1.1.1. Tổng quan về thu.....	5
1.1.1.1. Sơ ra đời và tính tất yếu khách quan của thu.....	5
1.1.1.2. Khái niệm.....	5
1.1.1.3. Đặc điểm.....	6
1.1.1.4. Vai trò.....	7
1.1.1.5. Phân loại thu.....	8
1.1.2. Tổng quan về kế toán thu.....	9

1.2. Thu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp	9
1.2.1. Thuế giá trị gia tăng.....	9
1.2.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò.....	9
1.2.1.2. Đối tượng chịu thuế, không chịu thuế và nộp thuế giá trị gia tăng	10
1.2.1.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế giá trị gia tăng	12
1.2.1.4. Khai, nộp thuế và quy tắc toán thuế giá trị gia tăng	14
1.2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	16
1.2.2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò.....	16
1.2.2.2. Đối tượng chịu thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.....	17
1.2.2.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp	17
1.2.2.4. Khai, quy tắc toán và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	19
1.3. Nội dung công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp.....	21
1.3.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng	21
1.3.1.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ	21
1.3.1.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp	25
1.3.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	26
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY SCAVI HUẾ	28
2.1. Giới thiệu về công ty	28
2.1.1. Tổng quan về công ty	28
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty	30
2.1.3. Phương thức sản xuất	31
2.1.4. Cơ cấu tổ chức, bộ máy công ty	32
2.2. Tổng thể công tác kế toán của công ty	36
2.2.1. Tổng thể bộ máy kế toán	36
2.2.2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng	38
2.3. Tình hình nguồn lực của công ty giai đoạn 2017 - 2019.....	41
2.3.1. Tình hình lao động của công ty giai đoạn 2017 - 2019.....	41
2.3.2. Tình hình tài sản, nguồn vốn của công ty giai đoạn 2017 – 2019.....	44
2.3.3. Tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2017 - 2019.....	47

2.4. Thúc đẩy công tác kế toán thu giá trị gia tăng và thu thuế doanh nghiệp tại Công ty Scavi Hu	49
2.4.1. Thúc đẩy công tác kế toán thu giá trị gia tăng	49
2.4.1.1. Đề xuất các công tác kế toán thu giá trị gia tăng	49
2.4.1.2. Thúc đẩy kế toán thu giá trị gia tăng	51
2.4.2. Thúc đẩy công tác kế toán thu thuế doanh nghiệp	79
2.4.2.1. Đề xuất các công tác kế toán thu thuế doanh nghiệp	79
2.4.2.2. Thúc đẩy công tác kế toán thu thuế doanh nghiệp	81
CHƯƠNG 3: MÔ TẢ ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THU GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THU THUẾ DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY SCAVI HU	91
3.1. Nhận xét và đánh giá về công tác kế toán thu giá trị gia tăng và thu thuế doanh nghiệp tại công ty	91
3.1.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty	91
3.1.2. Nhận xét về công tác kế toán thu giá trị gia tăng và thu thuế doanh nghiệp tại công ty Scavi Hu	92
3.1.2.1. Ưu điểm	92
3.1.2.2. Nhược điểm	93
3.2. Mô tả giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác kế toán thu giá trị gia tăng và thu thuế doanh nghiệp tại công ty	95
PHẦN III: KẾT LUẬN	98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	100
PHỤ LỤC	

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ**1. Tính cấp thiết của đề tài**

Cùng với sự xuất hiện của Nhà nước và sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá thì đó chính là sự xuất hiện của thuế và các sắc thuế. Nhà nước và thuế luôn song hành với nhau trên suốt con đường phát triển đất nước. Nhà nước sử dụng thuế như một công cụ để phục vụ cho việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình. Nó không chỉ đem lại chi tiêu duy trì quy mô của bộ máy Nhà nước, mà còn để chi tiêu cho các nhu cầu phúc lợi chung và kinh tế. Nhờ vậy gắn liền với Nhà nước, thuế luôn là một vấn đề thời sự nóng bỏng đối với các hoạt động kinh tế xã hội và với mọi tầng lớp dân chúng.

Một trong những nguồn đóng góp thuế cho Nhà nước chính là doanh nghiệp (DN). Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bất kể ngành nghề hay lĩnh vực gì đều phải có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Thế nhưng, bước sang một thập kỷ mới, năm 2020, toàn cầu bùng phát dịch cúm COVID-19 gây ảnh hưởng toàn diện đến nền kinh tế của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Điều kiện kinh doanh trở nên khó khăn hơn rất nhiều chính là các doanh nghiệp. Vì COVID-19, nhiều doanh nghiệp phải giảm năng lực sản xuất vì thiếu nguyên liệu; nhiều doanh nghiệp không thể tiêu thụ hàng hóa do bị hạn chế về xuất khẩu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh và có khả năng phải đóng cửa. Điều này đã tác động đến nền kinh tế của cả đất nước nói chung và đến ngành thuế nói riêng. Vậy tình hình kinh doanh của doanh nghiệp ảnh hưởng như thế nào đến ngành thuế của Nhà nước? Để trả lời câu hỏi này tác giả đã chọn đề tài về thuế trong doanh nghiệp làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận này.

Là một doanh nghiệp, Công ty Scavi Huế cũng có trách nhiệm nộp thuế cho Nhà nước như bao doanh nghiệp khác. Qua thời gian tiếp xúc tại Công ty Scavi Huế, tác giả nhận thấy tại Công ty phát sinh nhiều loại thuế như thuế Giá trị gia tăng (GTGT), thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế Thu nhập cá nhân, thuế Xuất nhập khẩu, thuế Môn bài,... Tuy nhiên, vì là doanh nghiệp chuyên về sản xuất và thương mại nên tại doanh nghiệp phát sinh sắc thuế Giá trị gia tăng là chủ yếu. Cùng với đó, thuế Thu

nhập doanh nghiệp chính là lợi nhuận biểu hiện rõ nhất về tình hình kinh doanh của Công ty. Nhận thấy tầm quan trọng của hai lợi nhuận trên, tác giả đã chọn hai số thuế là thuế GTGT và thuế TNDN làm đề tài nghiên cứu của đề tài khóa luận đề nghị thu hút phạm vi nghiên cứu cho đề tài.

Vì vậy, với mong muốn được tìm hiểu thực tế áp dụng các số thuế này trong doanh nghiệp như thế nào cũng như hiểu biết kỹ năng trong công tác kế toán thuế, góp phần hoàn thiện lý luận và thực tiễn về hệ thống kế toán thuế GTGT và TNDN tại doanh nghiệp, với sự giúp đỡ của Giảng viên - Thạc sĩ Hoàng Thùy Dung, tác giả đã lựa chọn đề tài “Thực trạng công tác kế toán thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Scavi Huế” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu của đề tài nghiên cứu

a) Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Scavi Huế để từ đó đưa ra một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty.

b) Mục tiêu cụ thể

- Một là, tổng hợp khái quát các số lý luận về kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại doanh nghiệp.

- Hai là, tìm hiểu về thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Scavi Huế.

- Ba là, đánh giá và đưa ra một số đề xuất, giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Scavi Huế.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài chính là thực trạng tổ chức công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Scavi Huế.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty Scavi Huế.

- Phạm vi thời gian:

✓ Thời gian thực tập: từ 10/01/2020 đến 10/04/2020.

✓ Thời gian thu thập số liệu: Số liệu thu thập trong vòng ba năm: 2017, 2018, 2019, riêng số liệu về thu nhập GTGT và thu nhập TNDN là năm 2019.

- Phạm vi không gian: Đối tượng nghiên cứu trong phạm vi không gian là Công ty Scavi Huế.

5. Phương pháp nghiên cứu

- **Phương pháp phỏng vấn:** Trong quá trình thực tập và làm bài khóa luận, nếu gặp khó khăn hay có vướng mắc thì tác giả trực tiếp đặt những câu hỏi với các anh chị kế toán viên nhằm thu thập được những thông tin cần thiết để giải quyết các khó khăn và vướng mắc gặp phải.

- **Phương pháp quan sát:** Trong thời gian thực tập, tác giả quan sát hoạt động hàng ngày của các anh chị kế toán viên nói chung và kế toán thuế nói riêng để biết được cách thức, trình tự luân chuyển chứng từ, định khoản, giải quyết các nghiệp vụ, tình huống phát sinh trong Công ty.

- **Phương pháp nghiên cứu tài liệu:** Tìm hiểu, tra cứu các tài liệu, giáo trình, văn bản pháp luật có liên quan đến đối tượng đó tiến hành hệ thống lại cơ sở, những lý luận cơ bản để đánh giá công tác kế toán tại Công ty.

- **Phương pháp thu thập, xử lý số liệu:** Tiến hành thu thập tất cả các tài liệu, số liệu liên quan đến thuế cũng như các báo cáo tài chính của Công ty để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài. Các số liệu thô thu thập sẽ được tiến hành xử lý, chuyển đổi đưa vào khóa luận một cách khoa học. Hình thức xử lý chủ yếu được sử dụng trong đề tài là dùng phần mềm Microsoft Excel.

- **Phương pháp phân tích số liệu:** Dựa trên các số liệu đã thu thập, xử lý, tiến hành phân tích chia nhỏ để làm rõ, đơn giản hóa, từ đó có thể đưa ra nhận xét, đánh giá đối với các chỉ tiêu phân tích.

- **Phương pháp hạch toán kế toán:** Dựa vào chế độ kế toán mà Công ty áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế có liên quan đến kế toán thuế GTGT và thu nhập TNDN phát sinh trong kỳ cho phù hợp.

6. Kết cấu của đề tài

Đề tài gồm 3 phần:

- Phần I: Đặt vấn đề
- Phần II: Nội dung và kết quả nghiên cứu
 - Chương 1: Cơ sở lý luận về thuế và kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại doanh nghiệp
 - Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Scavi Huế
 - Chương 3: Một số đánh giá và giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty Scavi Huế
- Phần III: Kết luận

PHẦN II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ VÀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về thuế và kế toán thuế

1.1.1. Tổng quan về thuế

1.1.1.1. Sự ra đời và tính tất yếu khách quan của thuế

- Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã chứng minh rằng, thuế ra đời và tồn tại khách quan gắn liền với sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước.

- Nhà nước là một tổ chức chính trị, để điều chỉnh quyền lợi cho giai cấp thống trị, thì hành các chính sách do giai cấp thống trị đặt ra để cai trị xã hội. Nhà nước xuất hiện đòi hỏi phải có cơ sở vật chất nhất định để đảm bảo cho sự tồn tại và hoạt động của mình. Do đó Nhà nước phải dùng quyền lực chính trị và có thể tập trung nguồn của cải đó và có thể dùng các hình thức khác nhau, trong đó hình thức đóng góp bắt buộc để gọi là thuế.

- Thuế luôn gắn chặt với sự phát triển của tổ chức bộ máy nhà nước. Sự phát triển và thay đổi hình thái tổ chức nhà nước luôn kéo theo sự cải tiến của các hình thức thuế và hệ thống thuế nói chung.

- Thuế xuất hiện từ khá lâu, trước cả thời kỳ văn minh của loài người. Những khoa học về thuế chỉ ra đời vào cuối thời kỳ phong kiến, đầu thời kỳ chủ nghĩa tư bản.

1.1.1.2. Khái niệm

Trong khi ra đời và phát triển, thuế có các khái niệm khác nhau tùy theo các góc độ đánh giá:

- Nhà kinh tế học Gaston Jeze đưa ra định nghĩa thông dụng về thuế: “Thuế là một khoản trích nộp bằng tiền, có tính chất xác định, không hoàn trả trực tiếp

do các công dân đóng góp cho nhà nước thông qua con đường quy định của pháp luật nhằm bù đắp những chi tiêu của Nhà nước”.

- *Dựa trên góc độ phân phối thu nhập*: “Thu là hình thức phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân nhằm hình thành các quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ của nhà nước”.

- *Dựa trên góc độ nguồn thu*: “Thu là khoản đóng góp bắt buộc mà mọi tổ chức, cá nhân phải có nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước theo luật định để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước”.

- *Dựa trên góc độ kinh tế học*: “Thu là một biến pháp để biết, theo đó, nhà nước sẽ dùng quy định của mình để chuyển một phần nguồn lực từ khu vực tư sang khu vực công nhằm thực hiện các chức năng kinh tế - xã hội của nhà nước”.

- *Theo từ điển Tiếng Việt*: “Thu là khoản tiền hay hiện vật mà người dân hoặc tổ chức kinh doanh, tùy theo tài sản, thu nhập, nghề nghiệp... buộc phải nộp cho nhà nước theo mức quy định.

Từ các định nghĩa trên, theo luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 thì “Thu là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế”.

1.1.1.3. Định nghĩa

a) Tính bắt buộc

- Thu nhập của người nộp thuế được chuyển giao cho Nhà nước mà không kèm theo một sự cấp phát hoặc những quy định nào khác cho người nộp thuế.

- Tính bắt buộc của thuế không mang nội dung hình sự, nghĩa là việc đóng thuế cho Nhà nước không phải là kết quả nảy sinh từ hành vi phạm pháp mà là nghĩa vụ đóng góp để pháp luật tồn tại và xã hội tồn tại.

b) Tính không hoàn trả trả c ti

- Trả c khi thu thu, Nhà n c không h a h n cung ng trả c ti p m t d ch v công c ng nào cho ng i n p thu.
- Sau khi n p thu, Nhà n c cũng không có s b i hoàn trả c ti p nào cho ng i n p thu.
- Ng i n p thu không th ph n đ i v i c th c hi n nghĩa v thu v i lý do h không đ c h c ít đ c h ng nh ng l i ích trả c ti p t nhà n c.
- L i ích t v i c n p thu s đ c hoàn trả gián ti p thông qua các d ch v công c ng c a nhà n c cho công đ ng và xã h i.

c) Tính pháp lý cao

Tính pháp lý đ c quy t đ nh b i quy n l c chính tr c a Nhà n c. Đ c th hi n thông qua các quy đ nh c n thi t v ph m vi, hình th c và các th t c, quy trình pháp lý liên quan đ n nghĩa v n p thu nh: Đ i t ng ch u thu, đ i t ng n p thu, m c thu ph i n p, th i h n c th và nh ng ch tài mang tính c ng ch khác.

1.1.1.4. Vai trò

Vai trò c a thu là s bi u hi n c th các ch c năng c a thu trong nh ng đ i u ki n kinh t, xã h i nh t đ nh. Vai trò c a thu th hi n trên các khía c nh sau đây:

- Thu là ngu n thu c a ngân sách Nhà n c (NSNN).
- Phân ph i và phân ph i l i t ng s n ph m xã h i, thu nh p qu c dân theo đ i ng l i xây đ ng Ch nghĩa Xã h i n c ta.
- Công c đ i u ti t các m c tiêu kinh t vĩ mô c a Nhà n c đ i v i n n kinh t và đ i s ng xã h i.
- Công c góp ph n đ m b o s b i nh đ i ng gi a các thành ph n kinh t và công b ng xã h i.

1.1.1.5. Phân loại thuế

Tùy thuộc vào các căn cứ khác nhau để phân loại thuế thành những nhóm khác nhau theo những tiêu thức nhất định

a) Phân loại theo phương thức đánh thuế

- Thuế trực thu là loại thuế đánh trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế. Chúng có thể gồm: Thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà đất...

- Thuế gián thu là loại thuế không trực tiếp đánh vào thu nhập và tài sản của người nộp thuế mà đánh một cách gián tiếp thông qua giá cả hàng hóa và dịch vụ. Thuế gián thu bao gồm: Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và nhập khẩu.

b) Phân loại theo đối tượng đánh thuế

- Thuế tài sản: Là các loại thuế có đối tượng chịu thuế là giá trị tài sản. Các hình thức của thuế tài sản là: Thuế sở hữu đất nông nghiệp, thuế sở hữu đất phi nông nghiệp, thuế tài nguyên...

- Thuế thu nhập bao gồm các sắc thuế có đối tượng chịu thuế là thu nhập nhận được. Thuế thu nhập cũng có nhiều hình thức khác nhau: Thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập công ty, thuế thu nhập doanh nghiệp...

- Thuế tiêu dùng là các loại thuế có đối tượng chịu thuế là phần thu nhập được mang tiêu dùng trong hiện tại. Trong thực tế loại thuế tiêu dùng được chia thành nhiều dòng như thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng...

c) Phân loại theo phạm vi thẩm quyền thu

Tùy theo phạm vi và thẩm quyền trong việc ban hành chính sách, chế độ thuế, hệ thống thuế có thể được chia thành thuế Trung ương và thuế địa phương. Thuế Trung ương là các hình thức thuế do các cơ quan đối diện chính quyền Nhà nước ở Trung ương ban hành, còn thuế địa phương là do chính quyền địa phương ban hành.

Tuy nhiên, không phải tất cả các loại thuế Trung ương mà một phần thuế Trung ương có thể được trích vào ngân sách địa phương.

1.1.2. Tổng quan về kế toán thuế

a) Khái niệm

Theo Slide bài giảng về môn kế toán thuế của Thạc sĩ Phạm Thị Hồng Uyên - Trường Đại học Kinh tế Huế thì “Kế toán thuế là quá trình thu nhập, xử lý các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để lập báo cáo thuế theo đúng quy định của pháp luật”.

b) Nhiệm vụ

Kế toán thuế là một bộ phận trong phòng kế toán với nhiệm vụ lập hồ sơ, báo cáo theo quy định của các luật thuế mà các đơn vị có trách nhiệm phải nộp loại thuế đó. Nhiệm vụ của thuế:

- Lập hồ sơ đăng ký thuế: theo đúng các quy định và nộp cho cơ quan thuế đúng thời hạn, tất cả các loại thuế đều được đăng ký cùng một bộ hồ sơ.
- Hồ sơ toán doanh thu, chi phí theo đúng quy định của luật thuế thu nhập doanh nghiệp, lập và khai các loại thuế có phát sinh tại đơn vị.
- Lập sổ toán thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cả năm và từng quý.
- Lập giấy nộp tiền và ngân sách Nhà nước chuyển cho bộ phận kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng nộp thuế vào Kho bạc Nhà nước (KBNN) theo đúng thời hạn quy định.
- Lập báo cáo quyết toán thuế cuối năm.
- Giám sát trình các căn cứ lập và khai, báo cáo quyết toán thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế.

1.2. Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp

1.2.1. Thuế giá trị gia tăng

1.2.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò

a) Khái niệm

Theo luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 thì Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình tiêu dùng, lưu thông.

b) Đặc điểm

- Thuế GTGT là sắc thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn.
- Thuế GTGT có tính trung lập kinh tế cao.
- Thuế GTGT là một sắc thuế thuộc loại thuế gián thu.
- Thuế GTGT có tính chất lũy thoái so với thu nhập.

c) Vai trò

- Là một trong những sắc thuế tạo nguồn thu quan trọng trong ngân sách Nhà nước.
- Việc tổ chức quản lý thuế GTGT tạo nên sự đồng đều hàng hóa so với các loại thuế trực thu.
- Thuế GTGT có tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng nội địa.
- Thuế GTGT có tác động khuyến khích xuất khẩu hàng hóa.
- Thuế GTGT góp phần thúc đẩy các cơ sở sản xuất kinh doanh (SXKD) thực hiện tốt chế độ kế toán.

1.2.1.2. Đối tượng chịu thuế, không chịu thuế và nộp thuế giá trị gia tăng

a) Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hàng hóa, dịch vụ (HHDV) dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hàng nhập khẩu. Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP.

b) Đối tượng không chịu thuế

Căn cứ vào Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 31/2013/QH13 ngày 19/06/2013 có